

男子單打組別 本地排名



澳門網球總會
ASSOCIAÇÃO DE TÊNIS DE MACAU
MACAU TENNIS ASSOCIATION

排名	球員姓名	總分
1	何錕朗 HO Si Long	305
2	張睿韜 CHEONG Ioi Tou	225
3	許擎鑫 XU Qing Xin	210
4	方子曦 FONG Chi Hei Austin	200
5	許澤森 XU Ze Seng	180
6	鄧樂言 Kyle Tang	100
-	余子銳 YU Zi Rui	100
8	周正宇 CHAO Cheng U	90
9	吳朗熙 NG Long Hei	80
-	何國順 HO Kuo Son	80
-	李卓雄 LEI Adrian Cheuk Hung	80
12	陳建瑜 CHAN Kin U	60
-	呂培賢 Pei Xian Lu	60
-	洪日希 HONG Argus Iat Hei	60
-	徐汝亨 CHOI U Hang	60
16	許榮燊 XU Rong Shen	50
17	文志遠 WEN Zhi Yuan	40
18	周晞宇 Chao Hei U	30
-	趙志謙 CHIO chi him	30
-	何家仲 HO Ka Chong	30
-	朱一波 CHU Iat Po	30

-	梁豪天 LEUNG Ho Tin Marco	30
-	林展樂 LAM Chin Lok	30
-	陳東昇 CHAN Tong Seng	30
-	關嘉誠 KUAN Eugene Brian	30
-	梁家亮 LEONG Ka Leong	30
-	李俊霆 LEI Chon Teng	30
28	趙家祺 CHIO Ka Kei	20
-	覃心昊 Sum Ho Cham	20
-	霍禹含 HUO Yu Han	20
-	何雨陽 HE Yu Yang	20
-	劉宏森 LIU Hong Sen	20
-	蔡浩琨 CAI Hao Kun	20
-	梁靖泓 LEONG Cheng Wang	20